

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159/2018/DS-ST**  
Ngày: 28 – 09 - 2018  
V/v “*Tranh chấp tài sản kê biên  
cưỡng chế thi hành án*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Phan Phước Tân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2015/TLST-DS ngày 04/01/2015, về việc: “*Tranh chấp tài sản kê biên cưỡng chế thi hành án*” theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 406/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 440/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Võ Minh T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 153A Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh T là ông Lê Hùng T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp An T, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang theo Văn bản ủy quyền ngày 30/03/2017.*

- ***Bị đơn:*** Ông Võ Trọng H, sinh năm 1973; bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Ấp An H, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp An H, xã K, huyện A, tỉnh An Giang

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M là bà Phạm Thị K, sinh năm 1966; địa chỉ ấp An H, xã K, huyện A, tỉnh An Giang theo Văn bản ủy quyền 11/11/2015.*

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ấp An H, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

*Bà Nguyễn Thị C ủy quyền cho ông Lê Hùng T1, sinh năm 1981; cư trú: Ấp An T, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang theo Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2017.*

Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;

Địa chỉ: Đường Thoại Ngọc Hầu, ấp An T, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang – Do ông Huỳnh Minh Đ, chức vụ: Phó Chi cục Trưởng làm đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số: 78/GUQ-CCTHA ngày 11/12/2015*).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1943; địa chỉ: Ấp An H, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Lê Hùng T1 có mặt; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Theo nội dung quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 147/2015/DSPT, ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì ông Võ Trọng H, bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 100.000.000 đồng. Theo yêu cầu của ông M, ngày 18/9/2015, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A tiến hành kê biên tài sản của ông H, bà L. Tài sản kê biên, gồm: Một căn nhà khung gỗ 3,6m x 7,1m; vách phần dưới xây gạch cao 02m, phần trên vách gỗ; nền lát gạch men; trần nhựa; mái tole; cửa sắt; gát lững bằng gỗ. Tổng diện tích tầng trệt + gát lững là 55,62 m<sup>2</sup>. Máy móc, thiết bị sản xuất nước đóng chai, gồm: 03 bình chứa nước bằng Inox; 01 máy Ro; 03 mô tơ điện; 01 kệ chiết nước bằng Inox 0,4m x 02m; 01 bình lọc sát khuẩn khung nhôm, lồng kính ngang 1,7m x dài 2,15m x cao 02m.

Ngày 07/10/2015 thì ông Võ Minh T có đơn kiện yêu cầu Tòa án hủy việc kê biên tài sản của Chi cục Thi hành án huyện A và công nhận toàn bộ tài sản bị kê biên thuộc quyền sở hữu của ông. Lý do: Ông T cho rằng toàn bộ tài sản bị kê biên, gồm: Căn nhà và toàn bộ máy, thiết bị trên là tài sản của ông chứ không phải của ông H, bà L. Việc ông H đứng tên cơ sở sản xuất kinh doanh nước đóng chai chỉ trên danh nghĩa, còn toàn bộ tài sản trên là ông mua sắm, ông H chỉ làm công hưởng lợi trên sản phẩm.

Ông M xác định tài sản kê biên trên là của ông H, bà L mua sắm từ nguồn tiền lãnh hội do ông làm chủ. Ông M đề nghị tiếp tục duy trì việc kê biên tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà L.

Ông H xác định toàn bộ máy móc, thiết bị sản xuất nước đóng chai là của ông T mua sắm, ông H chỉ đứng tên trên giấy phép kinh doanh, trực tiếp điều hành sản xuất, mua bán và hưởng lương theo lợi nhuận; còn căn nhà là của bà Nguyễn Thị C (mẹ của ông T, ông H). Ông H xác nhận toàn bộ tài sản bị kê biên ngày 18/9/2015 không phải là tài sản của vợ chồng ông.

Theo nội dung Bản tự khai ngày 25/7/2017, bà Nguyễn Thị C xác định, nguồn gốc căn nhà là bà mua của ông Nguyễn Văn D (không nhớ năm nào). Do căn nhà đã xuống cấp, năm 1986 và năm 2013 có sửa chữa, nâng cấp. Toàn bộ tiền sửa chữa là

của ông T. Bà C xác định căn nhà hiện nay là của ông T, bà không tranh chấp. Việc bà đang đứng tên giấy phép kinh doanh là do yêu cầu của ông T. Bởi trước đây vì muốn ông H có thu nhập thêm nên ông T xuất tiền mua máy móc thiết bị, sửa chữa nhà và cho ông H đứng tên giấy phép kinh doanh. Nhưng do bà L vợ ông H gây nợ, tài sản bị kê biên làm ảnh hưởng uy tín nên ông T yêu cầu bà C đứng tên.

Về chứng cứ: Ông T cung cấp Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 15/10/2013 giữa ông với Công ty Đài Việt; hóa đơn, chứng từ thanh toán với Công ty Đài Việt; chứng từ chuyển tiền qua lại giữa ông T và ông H; Biên bản thỏa thuận ngày 05/9/2013 giữa Võ Minh T và Võ Trọng H.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện A cung cấp toàn bộ hồ sơ kê biên cưỡng chế thi hành án và Bản án dân sự phúc thẩm số: 147/2015/DSPT, ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; Bản án số 16/2015/DSST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn M, ông Võ Trọng H, bà Nguyễn Thị Kim L không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tòa án tiến hành đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ; cho các đương sự thỏa thuận giá; tiến hành xác minh ghi lời khai ông Nguyễn Văn D và tổ chức đối chất.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh T là ông Lê Hùng T1 cho rằng các tài sản mà Cơ quan thi hành án kê biên ngày 18/9/2015 là của ông Võ Minh T chứ không phải là của vợ chồng ông Võ Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim L. Chứng minh cho việc này là Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 15/10/2013, các chứng từ thanh toán giữa ông T với Công ty Đài Việt; chứng minh cho việc ông H là người làm công hưởng lương theo sản phẩm là Tờ thỏa thuận ngày 05/9/2018 và các chứng từ chuyển tiền qua lại giữa ông H và ông T trong giai đoạn này. Ngoài ra, bị đơn Võ Trọng H cũng đã thừa nhận các máy móc thiết bị là của ông T mua, ông H chỉ là người đứng ra sản xuất kinh doanh; bà C thừa nhận căn nhà hiện nay là của ông T; ông Nguyễn Văn M không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh số tài sản bị kê biên là của ông H, bà L. Các đương sự cũng đã từ bỏ quyền nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T.

Ông T1 cũng xác định ông là đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh T, ông từ chối đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa; ông Võ Trọng H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn M và đại diện của ông Mến là bà Phạm Thị K vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn và những người tham gia tố tụng khác là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của các đương sự; tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập có căn cứ xác định, toàn bộ tài sản mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện A kê biên ngày 18/9/2018 không phải là tài sản của ông Võ

Trọng H và bà Nguyễn Thị Kim L, mà nó thuộc quyền sở hữu của ông Võ Minh T. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

Về việc ủy quyền: Theo các tài liệu có trong hồ sơ, thì ông Võ Minh T có ủy quyền cho nhiều người. Văn bản ủy quyền sau cùng là ngày 30/3/2017, theo Văn bản ủy quyền này thì ông T ủy quyền cho ông Lê Hùng T1. Ông T1 cũng xác định từ sau ngày 30/3/2017, ông T1 là người chính thức tham gia tố tụng thay ông T, còn những người được ông T ủy quyền trước đây không tham gia, nên xác định ông Lê Hùng T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh T.

Ngoài ra, ông Lê Hùng T1 còn nhận tham gia tố tụng theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C theo Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2017. Theo quy định tại Điều 141 Bộ luật dân sự thì cá nhân có thể nhận ủy quyền của nhiều cá nhân khác. Tuy nhiên, tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định những trường hợp không được làm người đại diện, trong đó có trường hợp không được làm đại diện cho nhiều người trong cùng một vụ án khi quyền và lợi ích hợp pháp của những người này đối lập nhau. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, ông T là đối lập nhau. Bởi lẽ, ông T cho rằng căn nhà đang bị kê biên là của ông T, còn ông H xác định căn nhà này là của bà C. Do đó, chấp nhận việc từ chối của ông Lê Hùng T1 về việc không làm đại diện cho bà C mà chỉ làm đại diện cho ông T.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ nhưng các bị đơn Võ Trọng H, Nguyễn Thị Kim L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn M và người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà Phạm Thị K nhưng họ đều vắng mặt lần thứ hai không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C và đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A; người làm chứng ông Nguyễn Văn D có yêu cầu không tham gia phiên tòa. Như vậy, ông H, bà L, ông M đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng này là phù hợp quy định tại các điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo yêu cầu của người được thi hành án là ông Nguyễn Văn M, Cơ quan Thi hành án dân sự huyện An Phú tiến hành kê biên tài sản của ông Võ Trọng H, bà Nguyễn Thị Kim L để cưỡng chế thi hành án. Ông Võ Minh T xác định tài sản bị kê biên là của ông, nên phát sinh tranh chấp. Xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản bị kê biên cưỡng chế thi hành án*”, là tranh chấp dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 27, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[3] Về thời hiệu:* Theo quy định tại Điều 75 của Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người có tranh chấp đối với tài sản kê biên cưỡng chế thi hành án được khởi kiện tại Tòa án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thi hành án. Ngày 18/9/2015, Chi cục Thi hành án dân sự

huyện An Phú tiến hành kê biên tài sản của ông H, bà L; ngày 07/10/2015 thì ông Võ Minh T có đơn kiện, xác định vụ việc còn trong thời hiệu.

*[4] Nội dung tranh chấp và tài sản tranh chấp:*

Theo ông Nguyễn Văn M thì toàn bộ số tài sản Cơ quan thi hành án kê biên cưỡng chế thi hành án là của ông H, bà L. Ông Võ Minh T thì xác định số tài sản kê biên thuộc quyền sở hữu của ông chứ không thuộc quyền sở hữu của ông H, bà L. Như vậy, vấn đề cần giải quyết là việc xác định số tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ai.

Số tài sản kê biên gồm căn nhà và các máy móc, thiết bị sản xuất nước đóng chai theo Biên bản kê biên ngày 18/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Căn nhà thì chưa đăng ký quyền sở hữu nhà ở; các máy móc, thiết bị là những vật không buộc đăng ký quyền sở hữu. Như vậy, việc chứng minh quyền sở hữu là chứng minh nguồn hình thành các tài sản này.

*[5] Xét nội dung tranh chấp:*

Về căn nhà: Theo trình bày của bà C thì căn nhà là bà mua lại của ông Nguyễn Văn D. Do nhà xuống cấp, năm 1986 và năm 2013 ông T là người ra tiền sửa chữa. Bà Xác định căn nhà hiện nay thuộc quyền sở hữu của ông T. Điều này phù hợp với trình bày của người làm chứng Nguyễn Văn D. Ông D xác định căn nhà là của bà C, còn nền đất là của ông. Ngoài ra, theo trình bày của các đương sự còn cho thấy, căn nhà này bà C nhận từ ông D trước năm 1986, mà thời điểm này thì ông H còn nhỏ, chưa có khả năng tạo được căn nhà này. Đồng thời, bà C cũng xác định các lần sửa chữa để có căn nhà như hiện nay là tiền của ông T. Qua đó cho thấy, căn nhà hoàn toàn không thuộc quyền sở hữu của ông H, bà L.

Đối với các máy móc, thiết bị: Theo ông T, do thấy ông H không có công việc làm, nên ông bỏ tiền ra mua sắm máy móc, thiết bị sản xuất nước đóng chai giao cho ông H trực tiếp quản lý, sử dụng, đứng tên kinh doanh. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ thỏa thuận giữa ông T với ông H, còn về số tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của ông T. Sau khi đối chiếu toàn bộ số hiệu, tên máy móc, thiết bị bị kê biên với Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Võ Minh T với Công ty TNHH SX-XNK máy lọc nước Đài Việt ngày 15/10/2013; tra cứu các hóa đơn chuyển tiền từ ông T trả cho Công ty Đài Việt thông qua Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), có căn cứ xác định: Ông T là người mua sắm các máy móc, thiết bị bị kê biên với tổng số tiền 90.950.000 đồng. Đồng thời, theo bảng kê chuyển tiền của Vietcombank vào các tháng 10, 11, 12 năm 2013 còn cho thấy, giữa ông T với ông H có chuyển tiền qua lại như lời ông T trình bày. Điều này chứng minh lời khai của ông T là có căn cứ. Không có căn cứ xác định số tài sản bị kê biên là do ông H, bà L mua sắm.

Việc ông M cho rằng số tài sản này là của ông H có được từ số tiền lãnh hụi của ông nhưng ông không có cơ sở gì chứng minh số tài sản trên là của ông H, bà L mua sắm. Còn việc ông cho rằng, ai đứng tên giấy phép kinh doanh thì máy móc, thiết bị, nhà ở là của người đó là chưa hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

Bởi khái niệm, quy định về người trực tiếp kinh doanh với người chủ sở hữu tài sản là hoàn toàn khác nhau. Người đứng tên trên giấy phép kinh doanh có quyền, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đăng ký kinh doanh, phương thức sản xuất kinh doanh, khách hàng... về việc kinh doanh. Còn người chủ sở hữu tài sản mới có đầy đủ các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản đó.

Theo quy định tại các điều 186, 187, 189, 191, 192, 194, 195 thì chủ sở hữu tài sản mới có đầy đủ các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản. Người không phải là chủ sở hữu thì chỉ có các quyền trên khi được sự ủy quyền hoặc được sự cho phép của chủ sở hữu thì mới được thực hiện và chỉ được thực hiện trong phạm vi ủy quyền hoặc trong phạm vi cho phép. Do đó, việc ông H, hay bà C được chiếm hữu, sử dụng số tài sản này đứng giấy kinh doanh là được sự đồng ý của ông T, đúng theo trình bày và chứng cứ ông T cung cấp. Cho nên, không thể xác định, ông H hay bà C đứng tên giấy phép kinh doanh là số máy móc, thiết bị, nhà ở bị kê biên là của ông H, bà L. Đồng thời, theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện A cung cấp và theo quy định thì đối với loại hình kinh doanh này chỉ dựa vào lời khai của người đăng ký, không điều tra xác định nguồn hình thành tài sản, không xác định quyền sở hữu.

Ngoài ra, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được, bà Nguyễn Thị Kim L lãnh hội do ông M làm chủ 02 lần cách nhau trên 07 tháng. Lần lãnh hội đầu tiên là khoảng tháng 05 năm 2013; lần lãnh hội thứ hai khoảng tháng 12 năm 2013. Việc tranh chấp hợp đồng góp hội giữa ông M với bà L, ông H được Tòa án thụ lý năm 2015. Tuy nhiên, theo Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Võ Minh T với Công ty TNHH SX-XNK máy lọc nước Đài Việt ngày 15/10/2013 cùng các hóa đơn thanh toán tiền thì xác định toàn bộ máy móc thiết bị là do ông Võ Minh T mua sắm với tổng số tiền 90.950.000 đồng. Không có cơ sở xác định số tài sản trên là do ông H, bà L lãnh tiền hội mua sắm; cũng không có căn cứ ông H, bà L chuyển dịch tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Do số tài sản bị kê biên được xác định là của ông Võ Minh T, nên việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện A kê biên tài sản của ông H, bà L để cưỡng chế thi hành án cho ông M trong trường hợp này là không phù hợp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A cần xử lý đúng quy định của pháp luật.

*[6] Về chi phí tố tụng:*

Về án phí: Đây là vụ án tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với tài sản bị kê biên cưỡng chế thi hành án, nên án phí được tính theo mức án phí không giá ngạch. Do vụ án được thụ lý ngày 04/11/2015, nên áp dụng mức án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá là 841.000 đồng, ông Võ Minh T tự nguyện chịu.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 75 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; các điều 161, 164, 169, 186, 187, 189, 191, 192, 194, 195, 205, 206 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án, lệ phí Tòa án năm 2009,

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T;

Công nhận quyền sở hữu tài sản bị kê biên cưỡng chế thi hành án ngày 18/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, gồm: Một căn nhà khung gỗ 3,6m x 7,1m; vách phần dưới xây gạch cao 02m, phần trên vách gỗ; nền lát gạch men; trần nhựa; mái tole; cửa sắt; gát lững bằng gỗ. Tổng diện tích tầng trệt + gát lững là 55,62 m<sup>2</sup>. Máy móc, thiết bị sản xuất nước đóng chai, gồm: 03 bình chứa nước bằng Inox; 01 máy Ro; 03 mô tơ điện; 01 kệ chiết nước bằng Inox 0,4m x 02m; 01 bình lọc sát khuẩn khung nhôm, lồng kính ngang 1,7m x dài 2,15m x cao 02m là của ông Võ Minh T.

Về chi phí tố tụng:

*Về án phí:* Ông Võ Minh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Minh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu số TU/2014/0008284 ngày 23/10/2015.

Công nhận sự tự nguyện của ông Võ Minh T về việc chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá là 841.000 (Tám trăm bốn mươi một nghìn) đồng. Ông T đã nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Thời hạn kháng cáo của ông Lê Hùng T1 là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2018). Thời hạn kháng cáo của ông Võ Trọng H, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn M, Chi cục Thi hành án dân sự huyện A là 15 ngày tính từ nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

*(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Văn Sáu**

